

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 13 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2011 tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỶ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 26/11/2012 của UBND tỉnh về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2011; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2011 tỉnh Phú Yên như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.464.530 triệu đồng

1. Thu trong cân đối ngân sách: 1.152.162 triệu đồng.

a) Thu nội địa: 1.133.982 triệu đồng.

b) Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu: 17.349 triệu đồng.

c) Thu viện trợ: 831 triệu đồng.

2. Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: 312.368 triệu đồng.

II. Thu ngân sách địa phương: 4.914.026 triệu đồng

1. Thu trong cân đối ngân sách: 4.601.658 triệu đồng.

a) Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 1.125.214 triệu đồng.

- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 330.800 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%): 794.414 triệu đồng.

b) Thu viện trợ: 831 triệu đồng.

c) Thu kết dư ngân sách: 212.906 triệu đồng.

d) Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước: 897.376 triệu đồng.

đ) Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước: 30.000 triệu đồng.

e) Bổ sung từ ngân sách Trung ương: 2.335.331 triệu đồng.

- Bổ sung cân đối: 1.422.754 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 912.577 triệu đồng.

2. Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: 312.368 triệu đồng.

III. Chi ngân sách địa phương: 4.548.645 triệu đồng

1. Chi trong cân đối: 4.279.871 triệu đồng.

a) Chi đầu tư phát triển: 938.048 triệu đồng.

Trong đó: Chi trả nợ (gốc và lãi) các khoản tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước: 31.765 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên: 2.382.489 triệu đồng.

c) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

d) Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 958.275 triệu đồng.

đ) Chi nộp ngân sách cấp trên: 59 triệu đồng.

2. Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: 268.774 triệu đồng.

IV. Kết dư ngân sách địa phương (II - III): 365.381 triệu đồng.

1. Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 219.665 triệu đồng.

2. Kết dư ngân sách cấp huyện: 96.986 triệu đồng.

3. Kết dư ngân sách cấp xã: 48.730 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục báo cáo với Chính phủ và Bộ Tài chính theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13/12/2012./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

Phụ lục số 01

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2011

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/DT TW giao	QT/DT HĐND
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.075.000	1.358.000	1.464.530	136,24	107,84
I	Thu trong cân đối ngân sách	1.075.000	1.190.500	1.152.162	107,18	96,78
1	Thu nội địa	1.050.000	1.165.500	1.133.982	108,00	97,30
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	25.000	25.000	17.349	69,40	69,40
3	Thu viện trợ			831		
II	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NS		167.500	312.368		186,49
B	Thu ngân sách địa phương được hưởng	2.791.482	3.104.480	4.914.026	176,04	158,29
I	Thu ngân sách trên địa bàn	1.042.241	1.325.239	1.437.582	137,93	108,48
1	Thu trong cân đối ngân sách	1.042.241	1.157.739	1.125.214	107,96	97,19
	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	265.791	426.883	330.800		77,49
	Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ %	776.450	730.856	794.414		108,70
2	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NS		167.500	312.368		186,49
II	Thu viện trợ			831		
III	Thu kết dư ngân sách			212.906		
IV	Thu chuyển nguồn từ NS năm trước			897.376		
V	Thu huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN		30.000	30.000		
VI	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.749.241	1.749.241	2.335.331	133,51	133,51
1	Bổ sung cân đối	1.336.941	1.336.941	1.422.754	106,42	106,42
2	Bổ sung có mục tiêu	412.300	412.300	912.577	221,34	221,34
	- Vốn XDCB ngoài nước	90.000	90.000	85.591	95,10	95,10
C	Chi ngân sách địa phương	2.791.482	3.104.480	4.548.645	162,95	146,52
I	Chi trong cân đối ngân sách	2.791.482	2.936.980	4.279.871	153,32	145,72
1	Chi đầu tư phát triển	700.400	786.400	938.048	133,93	119,28
	<i>Trong đó: Chi trả nợ gốc và lãi vay</i>		135.125	31.765		23,51
2	Chi thường xuyên	2.018.752	2.047.280	2.382.489	118,02	116,37
3	Chi sự nghiệp Chương trình MTQG					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			958.275		
6	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		30.970			
7	Dự phòng	71.330	71.330			
8	Chi nộp ngân sách cấp trên			59		
II	Các khoản để lại chi quản lý qua NS		167.500	268.774		160,46
D	Kết dư ngân sách: (B - C)			365.381		
I	Kết dư ngân sách tỉnh			219.665		
II	Kết dư ngân sách huyện			96.986		
III	Kết dư ngân sách xã			48.730		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số quyết toán
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (A+B)	1.464.530
A. Thu trong cân đối ngân sách	1.152.162
I. Tổng thu nội địa	1.133.982
1. Thu từ DNNN Trung ương	142.675
2. Thu từ DNNN địa phương	124.507
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	79.028
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	356.327
5. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	256
6. Thuế thu nhập cá nhân	54.935
7. Thu lệ phí trước bạ	49.431
8. Thu phí xăng dầu	100.773
9. Thu phí và lệ phí	19.388
10. Thu thuế nhà đất	10.919
11. Thu thuế chuyển quyền sử dụng đất	3
12. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.444
13. Thu tiền sử dụng đất	133.838
14. Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	392
15. Thu cố định tại xã	31.236
16. Thu khác ngân sách	19.830
II. Thu thuế xuất nhập khẩu	17.349
III. Thu viện trợ	831
B. Các khoản thu để lại quản lý chi qua ngân sách	312.368

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2011*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số quyết toán
Tổng chi ngân sách địa phương	4.548.645
I. Chi ngân sách địa phương trong cân đối	4.279.871
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	904.283
2. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư	31.765
3. Chi hỗ trợ doanh nghiệp	2.000
4. Chi trợ cước, trợ giá	7.299
5. Chi sự nghiệp kinh tế	254.223
6. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	1.018.798
7. Chi sự nghiệp y tế	203.242
8. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	47.947
9. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	11.920
10. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	8.169
11. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	11.513
12. Chi sự nghiệp môi trường	16.401
13. Chi đảm bảo xã hội	188.891
14. Chi quản lý hành chính	507.538
15. Chi an ninh quốc phòng	66.947
16. Chi khác ngân sách	39.601
17. Chi chuyển nguồn	958.275
18. Chi lập quỹ dự trữ tài chính	1.000
19. Chi nộp lên ngân sách cấp trên	59
II. Chi từ khoản thu để lại quản lý qua KBNN	268.774